TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42**/2022/HS-ST
Ngày: 24 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Sự.

2. Ông Hà Quang Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên toà: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HS, ngày 01 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/10/1988, tại huyện H, tỉnh T.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Trường N, sinh năm 1964; mẹ đẻ: Vũ Thị H, sinh năm 1966; vợ: Hà Thị H, sinh năm 1993; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh La Văn P, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Trần Việt P1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Như M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Anh Cao Anh T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 11 năm 2020, trên địa bàn huyện Hàm Yên, Nguyễn Văn S đã có hành vi cho người khác vay tiền, thu lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể:

Ngày 13/7/2019, S cho La Văn P (trú tại thôn Làng Chẵng, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên) vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày; tính lãi 30 ngày/01 tháng, các tháng bù cho nhau, không tính tháng thừa, tháng thiếu. Trước khi đưa tiền, theo yêu cầu của S, P viết 01 tờ giấy có tiêu đề "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ" với nội dung ghi số tiền vay là 80.000.000đ, thời hạn trả số tiền là ngày 13/3/2021 (thực tế S chỉ đưa cho P 50.000.000 đồng). Sau khi vay tiền, từ ngày 10/8/2019 đến 12/11/2020, P đã chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 109867355152 của P đến số tài khoản 103000920622 của Sđể trả tiền lãi, cụ thể: 10 lần chuyển mỗi lần 4.500.000đ gồm các ngày 10/8/2019; 12/12/2019; 15/01/2020; 11/3/2020; 09/4/2020; 08/5/2020; 09/6/2020; 09/7/2020; 10/9/2020; 12/11/2020; 02 lần chuyển mỗi lần 5.000.000đ vào các ngày 10/9/2019 và 12/11/2019; 02 lần chuyển mỗi lần 4.000.000đ vào các ngày 10/10/2019 và ngày 11/02/2020. Riêng tháng 8 và tháng 10/2020, do không có tiền nộp lãi nên P đã xin không phải trả tiền lãi S đã đồng ý. Ngày 10/10/2020, theo yêu cầu của S, P đã viết 01 giấy vay nợ với số tiền 150.000.000đ nhưng trên thực tế ngoài số tiền 50.000.000đ vay ngày 13/7/2019 P không vay thêm khoản tiền nào của S, việc ghi giấy vay nợ trên là để ràng buộc P trả lãi cho S.

Như vậy, S cho P vay số tiền gốc là 50.000.000đ, P đã trả cho S tổng số tiền lãi là 63.000.000đ cho 14 tháng tương ứng 420 ngày với mức lãi suất là 108%/năm (gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 11.666.667đ số tiền thu lợi bất chính là 51.333.333đ. Từ tháng 12/2020 do thấy P khó khăn về kinh tế nên S đã chủ động giảm mức tiền lãi từ 4.500.000đ/tháng xuống còn 4.000.000đ/tháng, tương ứng mức lãi suất 2.667đ/ 01 ngày/01 triệu = 96,012%/năm (cao gấp 4,8006 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự). Đối với số tiền gốc 50.000.000đ, P đã trả hết cho S vào ngày 15/02/2022.

Ngày 22/02/2019, Nguyễn Văn S cho Trần Việt P1 (trú tại thôn K, xã T, huyện H) vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với mức lãi suất 3.000đ/01 ngày/01 triệu; tính lãi 30 ngày/01 tháng, các tháng bù cho nhau, không tính tháng thừa, tháng thiếu. Trước khi đưa tiền, theo yêu cầu của S, P1 đã viết 01 giấy có tiêu đề "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ" với nội dung ghi số tiền vay là 15.000.000đ, thời hạn trả tiền vay là 22/8/2019. Sau khi vay tiền, từ ngày 26/3/2019 đến 26/9/2020, P1 đã chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 100001230789 của P1 đến số tài khoản 103000920622 của Sđể trả tiền lãi, cụ thể: 01 lần chuyển 350.000đ vào ngày 01/7/2019; 01 lần chuyển 1.000.000đ vào ngày 25/6/2019; 02 lần chuyển mỗi lần 1.300.000đ vào các ngày 26/3/2019, 23/12/2019; 13 lần chuyển mỗi lần 1.350.000đ vào các ngày 28/5/2019, 22/7/2019, 22/8/2019, 25/9/2019, 23/10/2019, 27/11/2019, 24/02/2020, 25/3/2020, 23/4/2019, 25/5/2020,

24/6/2020, 25/8/2020, 26/9/2020; 02 lần chuyển 1.400.000đ vào các ngày 22/4/2019, 30/01/2020. Riêng tháng 7/2020 do không có tiền nộp lãi nên P1 đã xin không trả tiền lãi S đồng ý.

Như vậy, S cho P1 vay số tiền gốc là 15.000.000đ, nhưng P1 đã trả cho S tổng số tiền lãi là 24.300.000đ (Hai mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng) cho 18 tháng tương ứng 540 ngày với mức lãi suất là 108%/năm (gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 4.500.000đ, số tiền thu lợi bất chính là 19.800.000đ. Từ tháng 10/2020 đến khi bị phát hiện (ngày 11/01/2022) do thấy P1 khó khăn về kinh tế nên S đã chủ động giảm mức tiền lãi từ 1.350.000đ/tháng xuống còn 1.200.000đ/tháng, tương ứng mức lãi suất 2.667đ/01 ngày/01 triệu = 96,012%/năm (cao gấp 4,8006 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự). Đối với số tiền gốc 15.000.000đ, P1 chưa trả cho bị can S (tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận P1 đã trả cho S số tiền gốc 15.000.000đ sau khi khởi tố vụ án).

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 71.133.333đ (Bảy mươi mốt triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra quá trình điều tra còn xác định trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến ngày 11/01/2022, bị can Nguyễn Văn S đã có hành vi cho Cao Anh T; Nguyễn Như M; Bùi Công M (cùng trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H); Trương Thanh T (trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H); Phạm Sơn H (trú tại tổ 7, phường H, thành phố T) vay tiền không cầm cố tài sản với mức lãi suất từ 1.000đ/01 triệu/01 ngày tương ứng 36%/năm (cao gấp 1,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự) đến 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày tương ứng 72%/năm (cao gấp 3,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự).

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKSHY, ngày 31/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Nguyễn Văn S về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo tội danh, điều luật và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn S từ 70 đến 80 triệu; không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của bị cáo số tiền gốc là 65.000.000đ; số tiền lãi hợp pháp là 16.666.667đ để sung quỹ nhà nước; tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 quyển sổ màu nâu, 11 giấy vay tiền, 01 USB; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động, 01 quyển sổ màu đỏ, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn S; trả lại 04 chứng minh nhân dân cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là La Văn P, Trần Việt P1, Nguyễn Như M và Cao Anh T; không xem xét khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Văn P, Trần Việt P1 không có yêu cầu.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt và các khoản tiền truy thu. Đối với các vật chứng đã thu giữ, bị cáo đề nghị được nhận lại 01 điện thoại di động, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn S và 01 quyển sổ bìa cứng màu đỏ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Văn P, Nguyễn Như M, Cao Anh T, Trần Việt P1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị được nhận lại giấy chứng minh nhân dân; La Văn P, Trần Việt P1 không yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền lãi đã thu lời bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của Nguyễn Văn S.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của Nguyễn Văn S còn được chứng minh bằng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở, nơi làm việc của bị cáo; sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của bị cáo và Trần Việt P, La Văn P1, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 22/02/2019 đến ngày 12/11/2020, trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn S đã có hành vi cho La Văn P và Trần Việt P1 vay tiền không cầm cố tài sản với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất 108%/năm, cao gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm), cụ thể: Từ ngày 22/02/2019 đến ngày 26/9/2020 cho Trần Việt P1 vay 15.000.000đ, thu 24.300.000đ tiền lãi, trong đó số tiền lãi theo quy định là 4.500.000 đồng, thu lợi bất chính 19.800.000đ; từ ngày 13/7/2019 đến ngày 12/11/2020 cho La Văn P vay 50.000.000đ, thu 63.000.000đ tiền lãi, trong đó số tiền lãi theo quy định là 11.666.667đ, thu lợi bất chính 51.333.333đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 71.133.333đ (Bảy mươi mốt triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy cần phải có mức án tương xứng với nhân thân, hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp

ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo.

Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2] Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về việc xử lý vật chứng.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu IPHONE XSMAX, số máy MT6J2LL/A, số seri F2LXW7GWKPHG, lắp 01 thẻ sim điện thoại số 0357.944.444, do bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 căn cước công dân số 008088005040, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/06/2021, mang tên Nguyễn Văn Sơn; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070981600, mang tên La Văn P; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070849118, mang tên Trần Việt P1; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070995833, mang tên Nguyễn Như M; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070837811, mang tên Cao Anh T, là giấy tờ tùy thân của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần trả lại.

- Số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) mà bị cáo dùng để cho La Văn P và Trần Việt P1 vay là khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm cần truy thu sung quỹ nhà nước; số tiền 16.166.667 đồng (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của La Văn P và Trần Việt P1 cũng là khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm, nên cần truy thu sung quỹ nhà nước. Tổng số tiền cần truy thu của bị cáo là 81.166.667 đồng (Tám mươi mốt triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Số tiền 71.133.333 đồng (Bảy mươi mốt triệu một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu cần trả lại cho người vay là La Văn P và Trần Việt P1 (trong đó của La Văn P là 51.333.333đ, của Trần Việt P1 là 19.800.000đ). Tuy nhiên, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Văn P và Trần Việt P1 không yêu cầu bị cáo trả lại nên HĐXX không xem xét.

- Đối với 01 Quyển sổ bìa cứng màu đỏ in chữ Classic (bên trong có 78 trang giấy có chữ viết và chữ số, từng trang có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn S, đánh số thứ tự từ 01 đến 78), sau khi xem xét thấy đây là sổ bị cáo dùng để

theo dõi việc kinh doanh (buôn bán quần áo), không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 Quyển sổ bìa cứng màu nâu in chữ Note Book, bên trong có 05 trang giấy có chữ viết và chữ số, từng trang có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn S, đánh số thứ tự từ 01 đến 05; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 13/7/2019, tên người vay là La Văn P, số tiền vay 80.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 10/10/2020, tên người vay là La Văn P, số tiền vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 22/02/2019, tên người vay là Trần Việt P1, số tiền vay 15.000.000đ, là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 16/6/2020, tên người vay là Nguyễn Như M, số tiền vay 15.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 15/01/2020, tên người vay là Trương Thanh Tuyền, số tiền vay 10.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 13/02/2020, tên người vay là Trương Thanh T, số tiền vay 20.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 31/8/2018, tên người vay là Phạm Sơn H, số tiền vay 30.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 22/8/2018, tên người vay là Cao Anh T, số tiền vay 50.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 05/9/2019, tên người vay là Cao Anh T, số tiền vay 100.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 04/02/2021, tên người vay là Bùi Công M, số tiền vay 10.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 19/02/2021, tên người vay là Bùi Công M, số tiền vay 20.000.000đ, là các giấy tờ liên quan đến giao dịch dân sự giữa bị cáo và những người vay tài sản, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị được nhận lại, nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 USB màu trắng do La Văn P giao nộp cho cơ quan điều tra, theo P khai bên trong có chứa file ghi âm cuộc nói chuyện giữa P và Nguyễn Văn S, do P không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về các vấn đề khác: Đối với hành vi của Nguyễn Văn S cho Cao Anh T; Nguyễn Như M; Bùi Công Mạnh; Trương Thanh T; Phạm Sơn H vay tiền là quan hệ dân sự không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với hành vi bị cáo tự nguyện giảm lãi cho La Văn P từ tháng 12/2020 và Trần Việt P1 từ tháng 10/2020 mức lãi suất là 96,012%/năm không cấu thành tội phạm, bị cáo và La Văn P, Trần Việt P1 không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ".

1. *Về hình phạt:* Phạt tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

2. *Về xử vật chứng:*

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn S khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm là 81.166.667 đồng (Tám mươi mốt triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 Quyển sổ bìa cứng màu nâu in chữ Note Book, bên trong có 05 trang giấy có chữ viết và chữ số, từng trang có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn S, đánh số thứ tự từ 01 đến 05; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 13/7/2019, tên người vay là La Văn P, số tiền vay 80.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 10/10/2020, tên người vay là La Văn P, số tiền vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 22/02/2019, tên người vay là Trần Việt P, số tiền vay 15.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 16/6/2020, tên người vay là Nguyễn Như M, số tiền vay 15.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 15/01/2020, tên người vay là Trương Thanh T, số tiền vay 10.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 13/02/2020, tên người vay là Trương Thanh Tuyền, số tiền vay 20.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 31/8/2018, tên người vay là Phạm Sơn H, số tiền vay 30.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 22/8/2018, tên người vay là Cao Anh T, số tiền vay 50.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 05/9/2019, tên người vay là Cao Anh T, số tiền vay 100.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 04/02/2021, tên người vay là Bùi Công M, số tiền vay 10.000.000đ; 01 "GIẤY VAY TIỀN KIÊM NHẬN NỢ", đề ngày 19/02/2021, tên người vay là Bùi Công M, số tiền vay 20.000.000đ và 01 USB màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu IPHONE XSMAX, số máy MT6J2LL/A, số seri F2LXW7GWKPHG, lắp 01 thẻ sim điện thoại số 0357.944.444, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án (tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Hàm Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên).

- Trả lại cho bị cáo 01 quyển sổ bìa cứng mà đỏ in chữ Classic (bên trong có 78 trang giấy có chữ viết và chữ số, từng trang có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn S, đánh số thứ tự từ 01 đến 78) và 01 căn cước công dân số 008088005040, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/06/2021, mang tên Nguyễn Văn S.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Văn P 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070981600, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/6/2011 mang tên La Văn P.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Việt P1 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070849118, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 10/4/2007 mang tên Trần Việt P1.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Như M 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070995833, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp 05/01/2012 mang tên Nguyễn Như M.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Anh T 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070837811, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 12/8/2013 mang tên Cao Anh T.

3. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Công an huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND thị trấn Tân Yên;
- Những người TGTT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Tuyết Mai